

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGUYÊN BÌNH
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 24-8-2023

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGUYÊN BÌNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mã Nguyệt Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mã Thu Huyền.

2. Bà Hoàng Thị Lê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Lương Ngọc Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Triệu Mùi N, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Xóm T, xã TK, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Lý Tồn K, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Xóm T, xã TK, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt (Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa ngày 07-8-2023).

- Người làm chứng:

+ Bà Hoàng Mùi C, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Xóm T, xã TK, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

+ Ông Lý Đào T, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Xóm T, xã TK, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Triệu Mùi N trình bày:

Về hôn nhân: Chị N chung sống với anh K từ năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu, tổ chức lễ cưới theo phong tục dân tộc nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K không quan tâm đến việc chị N sinh con. Sau khi sinh con xong, chị N phải về nhà mẹ đẻ tự chăm sóc bản thân và nuôi con cho đến nay. Chị N và anh K không còn chung sống từ năm 2015 nhưng anh K nhiều lần đến nhà chị N đe dọa, bắt chị N phải trả lại cho anh K 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) tiền tổ chức lễ cưới. Sự việc đã được Công an xã TK, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng hòa giải nhưng anh K vẫn đe dọa chị N. Nhận thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục chung sống và tránh tình trạng bị anh K đe dọa, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh K.

Về nuôi con: Chị N khai vợ, chồng có 01 con chung tên Triệu Khắc C1, sinh ngày 08-02-2015. Sau khi tổ chức lễ cưới, chị N và anh K chưa đăng ký kết hôn do chị N chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi sinh con, vợ chồng mâu thuẫn, không còn sống chung nên cũng không đăng ký kết hôn nên giấy khai sinh chỉ có tên mẹ, không có tên cha. Con sống với chị N từ nhỏ, anh K không quan tâm đến con. Hơn nữa giấy khai sinh không có tên cha nên chị N tự nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N khai vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07-7-2023, anh Lý Tồn K trình bày:

Về hôn nhân: Anh K kết hôn với chị N từ cuối năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu nhưng không đăng ký kết hôn do khi kết hôn chị N chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do sau khi chị N sinh con xong bỏ về nhà mẹ đẻ, anh K cũng không rõ nguyên nhân tại sao. Mâu thuẫn đã được vợ chồng hòa giải nhưng không được. Anh K và chị N đã không còn chung sống từ năm 2015 cho đến nay. Chị N yêu cầu ly hôn, anh K đồng ý với yêu cầu của chị N.

Về nuôi con: Anh K khai vợ, chồng có 01 con chung tên Triệu Khắc C1, sinh ngày 08-02-2015. Anh K và chị N không đăng ký kết hôn nên giấy khai sinh của con không có tên cha. Anh K đồng ý để chị N nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh K khai vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản xác minh ngày 07-7-2023 tại xóm T, xã TK, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng, biên bản lấy lời khai ngày 13-6-2023 của người làm chứng Hoàng Mùi C và biên bản lấy lời khai ngày 07-7-2023 của người làm chứng Lý Đào T, chị Triệu Mùi N và anh Lý Tồn K có thời gian chung sống từ năm 2012 đến

năm 2015. Gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục của dân tộc. Đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Triệu Mùi N có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vì không có tranh chấp gì về nuôi con, chia tài sản và thanh toán nợ chung chỉ đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Do đó, ngày 28-7-2023, Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải. Tại phiên họp, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh K và rút yêu cầu về con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết vì giấy khai sinh của con không có tên cha.

Tại phiên tòa, chị N giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh K, không yêu cầu giải quyết về nuôi con, tài sản chung và nợ chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự, không có vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 53, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố chị Triệu Mùi N và anh Lý Tồn K không phải là vợ chồng; Về con chung: Giao cháu Triệu Khắc C1, sinh ngày 08-02-2015 cho chị Triệu Mùi N nuôi dưỡng, anh Lý Tồn K không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí: Chị Triệu Mùi N phải chịu án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Chị Triệu Mùi N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lý Tồn K. Anh K có địa chỉ thường trú tại xã TK, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

Bị đơn được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ N đến tham gia phiên tòa vào ngày 24-8-2023 nhưng vắng mặt, có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Triệu Mùi N và anh Lý Tồn K chung sống với nhau từ năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu, tổ chức lễ cưới theo phong tục dân tộc. Tuy nhiên, tại thời điểm chung sống, vợ chồng chưa đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 (sửa đổi bổ sung năm 2010). Theo giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 08 ngày 18-4-2023 của Ủy ban nhân dân xã TK, chị Triệu Mùi N chưa đăng ký kết hôn với ai. Như vậy, khi đủ điều kiện kết hôn chị N và anh K cũng không đăng ký kết hôn. Do đó, hôn nhân giữa chị N và anh K không được pháp luật thừa nhận. Nay vợ chồng mâu thuẫn không thể sống chung, chị N yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Triệu Mùi N và anh Lý Tồn K.

[3] *Về con chung*: Theo giấy khai sinh do chị Triệu Mùi N cung cấp, Triệu Khắc C1 sinh ngày 08-02-2015 mục “*Họ và tên cha*” để trống, không có thông tin, họ và tên mẹ: Triệu Mùi N, sinh năm 1996. Anh K và chị N xác nhận cháu C1 được sinh ra trong thời gian chị N và anh K sống chung nhưng do không đăng ký kết hôn nên mục “*Họ và tên cha*” không có thông tin. Hai bên không tranh chấp gì về nuôi con, không đề nghị Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết về con chung. Trường hợp có phát sinh tranh chấp về xác nhận cha cho con và cấp dưỡng thì chị N, anh K có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Triệu Mùi N và anh Lý Tồn K xác nhận không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị Triệu Mùi N là dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc hộ nghèo, có đơn xin miễn nộp án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí cho chị N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 (sửa đổi bổ sung năm 2010); Điều 51, Khoản 2 điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Triệu Mùi N và anh Lý Tồn K.

2. *Về con chung*: Chị N, anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp phát sinh tranh chấp về việc xác định cha cho con và cấp dưỡng thì chị N, anh K có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có.

4. *Về án phí*: Chị Triệu Mùi N được miễn án phí sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001860 ngày 11-5-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mã Thu Huyền

Hoàng Thị Lê

Mã Nguyệt Thu

Nơi nhận:

- TND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Nguyên Bình;
- Chi cục THADS huyện Nguyên Bình;
- UBND xã TK;
- Đường sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mã Nguyệt Thu